|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TÀI CHÍNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2018/TT-BTC | *Hà Nội, ngày tháng năm 2018* |

**Dự thảo ngày 10/10/2018**

**THÔNG TƯ**

**Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan**

*Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;*

*Căn cứ Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;*

*Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 07 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Căn cứ Nghị quyết số 104/NQ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính;*

*Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan,*

*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan như sau:*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số Điều tại Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan:**

**1. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:**

**a) Sửa đổi điểm a khoản 1 như sau:**

1. Hồ sơ dự thi

a) Hồ sơ đăng ký dự thi để lấy Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan, người dự thi nộp một (01) bộ hồ sơ, bao gồm:

a.1) Phiếu đăng ký dự thi theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2015/TT-BTC;

a.2) Bằng tốt nghiệp ***cao đẳng trở lên*** theo quy định tại tại điểm a khoản 2 Điều 20 Luật Hải quan: 01 bản sao có chứng thực;

a.3) 02 ảnh 3x4 có ghi rõ họ, tên, năm sinh ở mặt sau của ảnh (01 ảnh dán vào phiếu đăng ký dự thi, 01 ảnh dán vào chứng chỉ khi được cấp).

**b) Sửa đổi khoản 7 như sau:**

“7. Trường hợp miễn thi

Công chức làm việc trong ngành hải quan giữ ngạch kiểm tra viên chính, kiểm tra viên cao cấpsau khi không làm việc (không bao gồm trường hợp bị kỷ luật buộc thôi việc) được miễn thi cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan trong thời hạn 03 năm kể từ ngày có quyết định chuyển công tác, nghỉ hưu hoặc nghỉ việc.”

**c) Sửa đổi điểm b khoản 9 như sau:**

“b) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ thi, Hội đồng thi thông báo công khai kết quả thi trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan, báo Hải quan điện tử và niêm yết tại trụ sở Cục Hải quan tỉnh, thành phố nơi tiếp nhận hồ sơ dự thi.

Trường hợp không đồng ý với kết quả thi do Hội đồng thi thông báo, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày công bố kết quả thi, người dự thi nộp đơn đề nghị phúc khảo môn thi. Ngày nhận đơn phúc khảo là ngày Hội đồng thi trực tiếp nhận đơn phúc khảo hoặc ngày đóng dấu **của bưu điện nơi đến**. Sau thời gian quy định trên, đơn đề nghị phúc khảo sẽ không được giải quyết. Hội đồng thi tổ chức phúc khảo bài thi theo quy chế của Hội đồng và thông báo kết quả phúc khảo trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan, báo Hải quan điện tử và niêm yết tại trụ sở Cục Hải quan tỉnh, thành phố nơi tiếp nhận hồ sơ dự thi.

Trường hợp có 03 môn thi đạt yêu cầu, Hội đồng thi cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan theo quy định tại Điều 4 Thông tư số này và không gửi Giấy chứng nhận điểm thi.”

**d) Bãi bỏ quy định về bảo lưu kết quả thi tại điểm c khoản 9 Điều 3.**

**2. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:**

**a) Sửa đổi điểm a khoản 1 như sau:**

“a) Người có 03 môn thi đạt yêu cầu theo quy định tại điểm a khoản 9 Điều 3 Thông tư này được cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan.”

**b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 như sau:**

“a) Đối với các trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này: Trong thời hạn 30 ngày ***kể từ ngày có kết quả thi chính thức***, Hội đồng thi cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan theo mẫu số 03A ban hành kèm Thông tư này.”

**c) Sửa đổi tiết b.1 điểm b khoản 2 như sau:**

“b.1) Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày nghỉ hưu hoặc nghỉ việc hoặc chuyển công tác, cá nhân có nhu cầu cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan có văn bản đề nghị gửi Tổng cục Hải quan (trong đó nêu rõ thời gian, quá trình công tác; ***ngạch công chức***; số quyết định nghỉ hưu hoặc nghỉ việc hoặc chuyển công tác, nơi sinh hoạt hiện nay), gửi kèm 01 ảnh 3x4 có ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh.”

**d) Bổ sung thêm điểm c khoản 2 như sau:**

“c) Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan có giá trị để thực hiện cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan trong thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp; trường hợp quá thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp thì khi đề nghị cấp mới tại đại lý làm thủ tục hải quan khác; cấp lại hoặc gia hạn phải có giấy chứng nhận tham gia khóa đào tạo, cập nhật, bổ sung kiến thức pháp luật hải quan theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư số 12/2015/TT-BTC và khoản 6 Điều này.”

**3. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:**

“1. Đại lý làm thủ tục hải quan là doanh nghiệp đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Luật Hải quan, ***trong phạm vi được ủy quyền theo thỏa thuận trong hợp đồng ký với người có hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (sau đây gọi chung là chủ hàng) thay mặt chủ hàng*** thực hiện toàn bộ hoặc một phần các công việc liên quan đến thủ tục hải quan ***theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Luật Hải quan***, gồm:

***a) Khai hải quan; nộp, xuất trình bộ hồ sơ hải quan có liên quan đến lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định;***

***b) Cung cấp đầy đủ chính xác thông tin để cơ quan hải quan thực hiện xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan đối với hàng hóa;***

c) Xuất trình hàng hóa, ***phương tiện vận tải*** để cơ quan hải quan kiểm tra***thực tế hàng hóa, phương tiện vận tải*** theo quy định của pháp luật;

***d) Thực hiện quyết định và yêu cầu của cơ quan hải quan, công chức hải quan trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát đối với hàng hóa, phương tiện vận tải;***

đ) Vận chuyển, làm thủ tục hải quan đưa vào, đưa ra khu vực giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

e) Cung cấp dịch vụ tư vấn về thủ tục hải quan và quản lý thuế cho chủ hàng;

g) Nộp các khoản thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật có liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

h) Thực hiện thủ tục miễn thuế, hoàn thuế,giảm thuế,không thu thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

i) Thực hiện các quyết định xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan hải quan;

k) Thực hiện các thủ tục hành chính khác với cơ quan hải quan.

2. Đại lý làm thủ tục hải quan (giám đốc hoặc người được giám đốc ủy quyền theo quy định của pháp luật) phải ký hợp đồng đại lý với chủ hàng; người được cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan thực hiện việc khai và làm thủ tục hải quan trên cơ sở hợp đồng đại lý đã ký với chủ hàng; đại lý làm thủ tục hải quan ***nộp hợp đồng đại lý cho cơ quan hải quan dưới dạng chứng từ điện tử đối với trường hợp đăng ký tờ khai hải quan điện tử, nộpbản chụp đối với trường hợp đăng ký tờ khai giấy*** khi ***phát sinh chủ hàng mới hoặc hợp đồng nguyên tắc mới hoặc khi lần đầu làm thủ tục hải quan tại Chi cục Hải quan hoặc khi*** xác định hành vi vi phạm pháp luật về hải quan. Giám đốc đại lý hoặc người được giám đốc ủy quyền theo quy định của pháp luật thực hiện việc ký tên, đóng dấu trên tờ khai hải quan và các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan khi thực hiện các công việc quy định tại khoản 1 Điều này.”

**4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6 như sau:**

“1. Doanh nghiệp đáp ứng đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 20 Luật Hải quan lập hồ sơ đề nghị công nhận đủ điều kiện làm đại lý làm thủ tục hải quan gửi Tổng cục Hải quan. Hồ sơ gồm:

a) Thông báo đủ điều kiện hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan theo mẫu số 04 ban hành kèm Thông tư này: 01 bản chính;

b) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư ***mới nhất tại thời điểm nộp hồ sơ***: 01 bản chụp;

c) Hồ sơ đề nghị cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư này.

Các chứng từ bản chụp do Giám đốc đại lý làm thủ tục hải quan ký tên, đóng dấu xác nhận ***hoặc có công chứng hoặc có chứng thực***.”

**5. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:**

“1. Tạm dừng hoạt động

a) Khi ***có cơ sở chứng minh*** đại lý làm thủ tục hải quan hoạt động không đảm bảo các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 20 Luật Hải quan hoặc không hoạt động ***đúng tên và địa chỉ*** đã đăng ký với cơ quan hải quan, Tổng cục Hải quan quyết định tạm dừng hoạt động theo mẫu số 06 ban hành kèm Thông tư này.

b) Sau khi bị tạm dừng ***hoạt động đại lý*** làm thủ tục hải quan***, trong thời hạn 06 tháng, nếu*** đại lý làm thủ tục hải quan ***khắc phục*** và có công văn đề nghị ***tiếp tục hoạt động***, Cục Hải quan tỉnh, thành phố kiểm tra, xác minh đáp ứng đủ điều kiện thì báo cáo Tổng cục Hải quan có văn bản xác nhận để đại lý làm thủ tục hải quan được tiếp tục hoạt động.

c) ***Quá*** thời hạn 06 tháng, nếu đại lý làm thủ tục hải quan không khắc phục, Tổng cục Hải quan ra quyết định chấm dứt hoạt động theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Chấm dứt hoạt động

a) Đại lý làm thủ tục hải quan bị chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau đây:

a.1) ***Bị xử lý về*** hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, trốn thuế hoặc thông đồng với chủ hàng để buôn lậu, gian lận thương mại, trốn thuế ***đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự***;

a.2) Đại lý làm thủ tục hải quan thực hiện chế độ báo cáo ***không đúng, đủ về nội dung và không đúng thời hạn***với cơ quan hải quan ***từ*** 03 lần ***trở lên*** theo quy định tại Điều 13 Thông tư này;

***a.3) Cung cấp dịch vụ làm thủ tục hải quan mà không ký hợp đồng đại lý với chủ hàng;***

***a.4) Có gian lận trong việc cung cấp hồ sơ đề nghị công nhận đại lý làm thủ tục hải quan hoặc hồ sơ đề nghị cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan cho cơ quan hải quan;***

a.5) Sử dụng bộ chứng từ không phải do chủ hàng cung cấp để làm thủ tục hải quan xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa;

a.6) Thuộc trường hợp nêu tại điểm c khoản 1 Điều này;

a.7) ***Đại lý làm thủ tục hải quan chấm dứt hoạt động, giải thể, phá sản, tạm ngừng hoạt động***;

a.8) Đại lý làm thủ tục hải quan có văn bản đề nghị chấm dứt hoạt động.

b) Đối với các trường hợp quy định tại điểm a.1, a.2, ***a.3, a.4, a.5 và a.7*** khoản này:

b.1) ***Trong quá trình quản lý, sau khi xử lý vi phạm hoặc*** khi kiểm tra, phát hiện vi phạm, Cục Hải quan tỉnh, thành phố báo cáo Tổng cục Hải quan để ra quyết định chấm dứt hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan theo mẫu số 06 ban hành kèm Thông tư này; ***riêng trường hợp quy định tại điểm a.4 và a.6 khoản này, Tổng cục Hải quan ra quyết định chấm dứt hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan theo mẫu số 06 ban hành kèm Thông tư này khi phát hiện vi phạm.***

b.2) Đại lý làm thủ tục hải quan bị chấm dứt hoạt động không được công nhận là đại lý làm thủ tục hải quan trong thời hạn 02 năm kể từ ngày ra quyết định chấm dứt hoạt động.

c) Trường hợp đại lý làm thủ tục hải quan đề nghị chấm dứt hoạt động thì có công văn gửi Tổng cục Hải quan ra quyết định chấm dứt hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan.

d) Khi đại lý làm thủ tục hải quan bị chấm dứt hoạt động thì mã số của nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan sẽ bị thu hồi và hết giá trị sử dụng.”

**6. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:**

“1. Đại lý làm thủ tục hải quan lập hồ sơ đề nghị cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan, gồm:

a) Đơn đề nghị cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo mẫu số ***01 ban hành kèm Thông tư này***: 01 bản chính;

b) Bằng tốt nghiệp cao đẳng ***trở lên*** thuộc các chuyên ngành luật, kinh tế, kỹ thuật: 01 bản chụp;

c) Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan: 01 bản chụp;

d) ***Trường hợp cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư chưa hoàn thành và đưa vào vận hành thì cung cấp 01 bản chụp*** Chứng minh nhân dân ***hoặc căn cước công dân***;

***đ) Hợp đồng lao động: 01 bản chụp;***

đ) Một (01) ảnh 2x3.

Các chứng từ bản chụp do giám đốc đại lý làm thủ tục hải quan ký tên, đóng dấu xác nhận hoặc ***do cơ quan có thẩm quyền công chứng hoặc chứng thực***.

2. Hồ sơ đề nghị cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan được gửi đến Tổng cục Hải quan. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo mẫu số 08 ban hành kèm Thông tư này.

Mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan trùng với ***số định danh cá nhân hoặc*** số chứng minh nhân dân ***hoặc số căn cước công dân*** của người được cấp và có giá trị trong thời hạn ***không quá*** 03 năm kể từ ngày cấp. ***Hết thời hạn, để tiếp tục làm nhân viên đại lý hải quan thì thực hiện thủ tục gia hạn theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư số 12/2015/TT-BTC, được sửa đổi, bổ sung tại khoản này. Trường hợp không thực hiện thủ tục gia hạn thì Tổng cục Hải quan sẽ thu hồi mã số theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 12/2015/TT-BTC, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều này.***

3. Gia hạn mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan

a) Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan được gia hạn thời gian sử dụng mã số nếu đáp ứng các điều kiện sau:

a.1) Không thuộc các trường hợp bị thu hồi mã số theo quy định tại Điều 10 Thông tư này;

a.2) Tham gia tối thiểu 2/3 thời lượng các khóa đào tạo, cập nhật, bổ sung kiến thức pháp luật hải quan do cơ quan hải quan (Tổng cục Hải quan và hải quan các cấp) và đơn vị được cơ quan hải quan cử cán bộ tham gia giới thiệu trong thời gian mã số nhân viên có hiệu lực.

b) Đại lý làm thủ tục hải quan ***lập hồ sơ đề nghị gia hạn mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan, gồm:*** văn bản đề nghị gia hạn mã số ***trong đó có ghi rõ số định danh cá nhân hoặc số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân; 01 bản chụp giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo, cập nhật, bổ sung kiến thức pháp luật hải quan; 01 ảnh 2x3. Trường hợp cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư chưa hoàn thành và đưa vào vận hành thì cung cấp 01 bản chụp chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân.***

c) Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Tổng cục Hải quan thực hiện việc gia hạn mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan. Thời gian gia hạn là ***không quá*** 03 năm kể từ ngày gia hạn. ***Mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan có thể thay đổi theo số định danh cá nhân hoặc số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân còn thời hạn sử dụng tại thời điểm đề nghị gia hạn mã số.***

4. Cấp lại mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan

***a) Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan được cấp lại mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan còn thời hạn sử dụng trong trường hợp:***

***a.1) Mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan bị mất và được đại lý làm thủ tục hải quan xác nhận bằng văn bản;***

***a.2) Đại lý làm thủ tục hải quan có thay đổi tên đăng ký kinh doanh;***

***a.3) Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan có thay đổi số định danh cá nhân hoặc số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân;***

***b) Đại lý làm thủ tục hải quan lập hồ sơ đề nghị cấp lại mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan, gồm: văn bản đề nghị cấp lại mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan có ghi số định danh cá nhân hoặc số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân và 01 ảnh 2x3. Trường hợp cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư chưa hoàn thành và đưa vào vận hành thì cung cấp 01 bản chụp*** c***hứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân.***

***c) Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Tổng cục Hải quan xem xét cấp lại mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan. Mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan có thể thay đổi theo số dịnh danh cá nhân hoặc số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân còn thời hạn sử dụng tại thời điểm đề nghị cấp lại mã số.”***

***5. Khi thay đổi tên đại lý làm thủ tục hải quan; khi thay đổi số định danh cá nhân hoặcsố chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân của các nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan, đại lý làm thủ tục hải quan có công văn đề nghị cấp đổi thẻ nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan đối với các trường hợp đã được cấp.***”

**7. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:**

“1. Tổng cục Hải quan ***thực hiện*** thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan đã cấp trong các trường hợp sau:

a) ***Bị xử lý*** hành vi vi phạm các quy định của pháp luật đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) ***Bị xử lý đối với*** hành vi trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia các hoạt động buôn lậu, gian lận thương mại, trốn thuế hoặc hối lộ cán bộ, công chức hải quan trong quá trình làm thủ tục hải quan;

c) Cho người khác sử dụng mã số của mình hoặc sử dụng mã số của người khác hoặc sử dụng mã số không phải do Tổng cục Hải quan cấp để làm thủ tục hải quan; hoặc ***cho người khác sử dụng hồ sơ của mình để thực hiện thủ tục công nhận đại lý làm thủ tục hải quan hoặc cấp mã nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan;***

d) Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan chuyển làm việc khác hoặc chuyển sang làm việc cho đại lý làm thủ tục hải quan khác;

đ) Đại lý làm thủ tục hải quan bị giải thể, phá sản hoặc chấm dứt hoạt động;

e) Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan sử dụng mã số đã hết thời hạn hiệu lực để làm thủ tục hải quan.

2. Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan bị thu hồi mã số thuộc các trường hợp a, b, c, ***e*** khoản 1 Điều này sẽ không được cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan trong thời hạn 03 năm kể từ ngày bị thu hồi. Trong thời gian không được hành nghề, nếu người bị thu hồi đứng tên thành lập doanh nghiệp thì doanh nghiệp này sẽ không được công nhận là đại lý làm thủ tục hải quan.

Hết thời hạn nêu trên, nếu người bị thu hồi muốn được cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan thì phải trải qua kỳ thi và được cấp lại Chứng chỉ nghiệp vụ hải quan và thực hiện thủ tục cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định tại Điều 9 Thông tư này.”

**8. Sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 13 như sau:**

“9. Đại lý làm thủ tục hải quan có trách nhiệm:

a) Định kỳ vào ngày 05 của tháng đầu quý sau, báo cáo tình hình hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan theo mẫu số 10 ban hành kèm Thông tư này gửi Cục Hải quan tỉnh, thành phố ***quản lý địa bàn đăng ký kinh doanh*** hoặc các thông tin cần thiết khác phục vụ cho hoạt động quản lý hải quan khi được cơ quan hải quan yêu cầu bằng văn bản. ***Trường hợp đại lý làm thủ tục hải quan không báo cáo đúng thời hạn quy định sẽ bị xử phạt theo quy xử phạt vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan.***

b) Báo cáo, đề nghị Tổng cục Hải quan thực hiện việc thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan đối với các trường hợp khi phát hiện vi phạm hoặc phát sinh quy định tại khoản 1 Điều 10 ***Thông tư này***.”

**9. Bổ sung khoản 5 vào Điều 14 như sau:**

***“5. Cử người đại diện khi làm thủ tục hải quan và các thủ tục hành chính trực tiếp với cơ quan hải quan; người đại diện phải là người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 3 bộ Luật Lao động số 10/2012/QH13. Trường hợp thực hiện thủ tục qua đại lý hải quan thì đại lý hải quan thay mặt chủ hàng để thực hiện các công việc theo hợp đồng dịch vụ đại lý làm thủ tục hải quan đã ký giữa đại lý làm thủ tục hải quan và chủ hàng.”***

**10. Sửa đổi, bổ sung mẫu số 07 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2015/TT-BTC theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.**

**Điều 2. Điều khoản chuyển tiếp**

Đại lý làm thủ tục hải quan đã được công nhận đủ điều kiện hoạt động và nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan đã được cấp mã số nhân viên theo quy định tại Thông tư số 12/2015/TT-BTC được tiếp tục hoạt động và thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

**Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày …./…./2019.

2. Cơ quan hải quan các cấp chịu trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn nội dung Thông tư này tới chủ hàng và đại lý làm thủ tục hải quan trên địa bàn quản lý.

3. Tổ chức, cá nhân, đại lý làm thủ tục hải quan thuộc đối tượng điều chỉnh của Thông tư này chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại Thông tư này.

Quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có vướng mắc phát sinh, đề nghị các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Bộ Tài chính (qua Tổng cục Hải quan) để tổng hợp và hướng dẫn xử lý./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - VP TW Đảng và các Ban của Đảng; - VP Quốc Hội, VP Chủ tịch nước, VPCP; - Viện kiểm sát NDTC, Tòa án NDTC; - Kiểm toán Nhà nước; - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; - Văn phòng BCĐ TW về phòng chống tham nhũng; - UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW; - Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam; - Công báo; - Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp; - Website Chính phủ; - Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính, Website Bộ Tài chính; - Cục Hải quan các tỉnh, thành phố; - Website Tổng cục Hải quan; -LưuVT; TCHQ | **KT. BỘ TRƯỞNG THỨ TRƯỞNG** |

**DANH MỤC CÁC BIỂU MẪU**

*(Ban hành kèm Thông tư số ....../2018/TT-BTC ngày ..........)*

Mẫu số 01 - Đơn đề nghịcấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.

Mẫu số 02 – Giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo, cập nhật, bổ sung kiến thức pháp luật hải quan

***Mẫu số 01***

|  |  |
| --- | --- |
| ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN **CÔNG TY.... -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ------------------** |
|  | *…………, ngày …… tháng …… năm ……* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP MÃ SỐ NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ LÀM THỦ TỤC HẢI QUAN**

**Kính gửi:** Tổng cục Hải quan

Tên doanh nghiệp: …………

Loại hình doanh nghiệp:

Mã số thuế: ………………

Địa chỉ: ……………………

- Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

- Căn cứ Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;

Căn cứ Thông tư số ...../2018/TT-BTC ngày .../.../2018 sửa đổi Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;

- Căn cứ hợp đồng lao động số ……… ngày ……/……/…… giữa doanh nghiệp …………………… với ông (bà) ……………………

Đề nghị Tổng cục Hải quan xem xét cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan cho ông (bà):

1/ Họ và tên: ...............................................Sinh ngày: …………

Số định danh cá nhân/ Số CMND/Số CCCD:………….................... cấp ngày…………tại………

2/ Họ và tên:...............................................Sinh ngày: …………

Số định danh cá nhân/ Số CMND/Số CCCD:…………....................cấp ngày…………tại………

3/ …

Hồ sơ gửi kèm gồm:

*- Bản chụp các văn bằng, chứng chỉ,...;*

*- Bản chụp chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân đối với trường hợp cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư chưa hoàn thành và đưa vào vận hành;*

*- 01 ảnh 2x3 cm.*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **GIÁM ĐỐC ĐẠI LÝ** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

***Mẫu số 02***

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐƠN VỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ------------------** |
| Số: ……/201.../GCN-.... | *……, ngày …… tháng …… năm 20…* |

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

hoàn thành khóa đào tạo, cập nhật, bổ sung kiến thức pháp luật hải quan

**(NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA ĐƠN VỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN)**

Căn cứ Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;

Căn cứ Thông tư số ...../2018/TT-BTC ngày .../.../2018 sửa đổi Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;

Căn cứ Quyết định số ……… ngày …… của .... về việc tổ chức khóa đào tạo, cập nhật, bổ sung kiến thức pháp luật hải quan dành cho nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.

**CHỨNG NHẬN**

Ông/Bà:

Ngày sinh:…………………………….

Số định danh cá nhân/ Chứng minh nhân dân/căn cước công dân số………..ngày cấp……… nơi cấp

Đã hoàn thành khóa đào tạo, cập nhật, bổ sung kiến thức pháp luật hải quan dành cho nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan từ ngày .../.../... đến ngày .../.../....

Giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo, cập nhật, bổ sung kiến thức pháp luật hải quan dành cho nhân viên đại lý làm thủ tục hải quancó giá trị để thực hiện thủ tục gia hạn mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Ông/ bà có tên trên;  - Tổng cục Hải quan (Cục GSQL); - Lưu: đơn vị tổ chức. | **TM. ĐƠN VỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN**  **(CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ)** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |